

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **77/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: **22 – 8 – 2024**

“Về việc: **Ly hôn, tranh chấp về nuôi con**”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Mạnh Trí.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Đông.

2. Bà Huỳnh Thị Yến.

- **Thư ký phiên tòa: Ông Biện Việt Cường** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Vân Anh** - Kiểm sát viên.

Ngày **22** tháng **8** năm **2024**, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **184/2024/TLST-HNGĐ** ngày **02** tháng **5** năm **2024**, về việc: “**Ly hôn, tranh chấp về nuôi con**”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **74/2024/QĐXXST-HNGĐ** ngày **12** tháng **7** năm **2024**; **Thông báo mở lại phiên tòa số 38/2024/TB-TA** ngày **12** tháng **8** năm **2024**, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T**, sinh năm **1992**; Vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- **Bị đơn: Anh Hà Khắc C**, sinh năm **1988**; Vắng mặt.

Cùng nơi cư trú: **Xóm D, thôn B, xã N, huyện T, tỉnh Bình Thuận.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai, ý kiến đã thu thập được trong hồ sơ vụ án nguyên đơn **chị Nguyễn Thị T** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị T** và anh **Hà K C** chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại **UBND xã B, huyện T, tỉnh Bình Thuận** vào năm **2014**. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vì anh **C** không lo làm ăn, chơi bời, rồi vợ chồng thường xuyên xích mích,

cải vã nhau. Hiện nay chị **T** xác định cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh **C**.

Về con chung: Chị **T** và anh **C** có 02 người con chung **Hà Tuấn A**, sinh ngày 13/9/2014 và **Hà Tuấn V**, sinh ngày 22/6/2020. Khi ly hôn chị **T** có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng 02 người con chung cho đến khi thành niên, không yêu cầu anh **C** cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị **T** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2]. *Quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ đầy đủ Giấy triệu tập và các văn bản tố tụng nhưng bị đơn anh Hà K C không tham gia tố tụng và vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án không thu thập được lời khai của anh C và cũng không tiến hành hòa giải được.*

[3]. *Các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án:*

Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp: 01 bản chính Giấy chứng nhận kết hôn số 12/2014, Quyền số 01/2014, ngày, tháng, năm đăng ký 13/03/2014 của **UBND xã B, huyện T, tỉnh Bình Thuận**; 01 bản sao có chứng thực Giấy khai sinh số 150/GKS-BS ngày 07/8/2020 của **UBND xã N, huyện T, tỉnh Bình Thuận**; 01 bản sao có chứng thực Giấy khai sinh số 104/2014, quyền số 01/2014 ngày 27/10/2014 của **UBND xã B, huyện T, tỉnh Bình Thuận**; 01 bản sao có chứng thực Căn cước công dân của chị **Nguyễn Thị T**;

Ngoài ra, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương về quan hệ hôn nhân của vợ chồng chị **T**, anh **C** và lập Biên bản xác minh ngày 13/5/2024 (Bút số 22).

[5]. *Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh:*

- *Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, thư ký đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Ý kiến đề nghị việc giải quyết vụ án:* Đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận tòa bộ yêu cầu khởi kiện của chị **Trần Thị H**; xử cho chị **Nguyễn Thị T** được ly hôn với anh **Hà Khắc C**; giao cho chị **Nguyễn Thị T** chăm sóc, nuôi dưỡng 02 người con chung tên **Hà Anh T1**, sinh ngày 19/9/2014 và **Hà Tuấn V**, sinh ngày 22/6/2020 cho đến khi thành niên; buộc chị **T** phải nộp **300.000đồng** án phí ly hôn sơ thẩm, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nghe các đương sự trình bày, nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Hà Khắc C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Trong vụ án chỉ có yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T, yêu cầu giải quyết ly hôn và nuôi con; ngoài ra không có yêu cầu nào khác của các đương sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” căn cứ theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp.

Tranh chấp dân sự quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; vụ án không có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài hoặc cần phải ủy thác tư pháp; các đương sự có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Bình Thuận. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về yêu cầu giải quyết ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T, Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ vào bản chính Giấy chứng nhận kết hôn số 12/2014, Quyền số 01/2014, ngày, tháng, năm đăng ký 13/03/2014 của UBND xã B, huyện T, tỉnh Bình Thuận (Bút lục số 03) mà nguyên đơn chị Nguyễn Thị T đã cung cấp; căn cứ lời khai phù hợp của nguyên đơn chị T; có đủ cơ sở xác định: Chị Nguyễn Thị T và anh Hà K C chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh C là hợp pháp. Vì vậy, chị T có quyền yêu cầu giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trong quá trình tố tụng chị T khai: Nguyên nhân chị T ly hôn với anh C vì anh C không lo làm ăn, chơi bời, rồi vợ chồng thường xuyên xích mích, cãi vã nhau. Hiện nay chị T xác định cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh C.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập anh C làm việc lấy lời khai, đồng thời ra thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tổng đạt cho chị T và anh C. Tuy nhiên anh C vắng mặt không có lý do nên không tiến hành lấy lời khai và hòa giải đoàn tụ được. Ngày 13/5/2024 chị T nộp đơn đề nghị không tiến hành hòa giải đoàn tụ và đề nghị xét xử mặt.

Từ những căn cứ nêu trên, có đủ cơ sở xác định được: Mâu thuẫn vợ chồng giữa vợ chồng chị T và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, phù hợp với biên bản xác minh về trình trạng hôn nhân giữa chị T và anh C tại địa phương. Vì vậy, chị T yêu cầu giải quyết ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận, xử cho chị T được ly hôn với anh C.

[3.2] Về con chung:

Căn cứ vào bản sao có chứng thực Giấy khai sinh số 150/GKS-BS ngày 07/8/2020 của UBND xã N, huyện T, tỉnh Bình Thuận và bản sao có chứng thực Giấy khai sinh số 104/2014, quyển số 01/2014 ngày 27/10/2014 của UBND xã B, huyện T, tỉnh Bình Thuận mà nguyên đơn chị Nguyễn Thị T đã cung cấp; căn cứ lời khai phù hợp của nguyên đơn chị T và bị đơn anh C; có đủ cơ sở xác định được: Chị T và anh C có 02 người con chung tên Hà Tuấn A, sinh ngày 13/9/2014 và Hà Tuấn V, sinh ngày 22/6/2020.

Căn cứ lời khai phù hợp của nguyên đơn chị T và cháu Hà Anh T1; có đủ cơ sở xác định được: cháu Hà Anh T1 có nguyện vọng được ở với chị T khi ly hôn, chị T cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng 02 người con chung cho đến khi thành niên. Quá trình tố tụng, anh Hà Khắc C đều vắng mặt không có lý do, không tham gia tố tụng để thực hiện quyền, trình bày ý kiến, nguyện vọng, yêu cầu của mình về việc nuôi con. Do đó, yêu cầu của chị Thanh việc nuôi con là có căn cứ, phù hợp với nguyện vọng của con và phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận; xử giao cho chị Nguyễn Thị T có quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 người con chung tên Hà Tuấn A, sinh ngày 13/9/2014 và Hà Tuấn V, sinh ngày 22/6/2020 cho đến khi thành niên; anh Hà K C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147, khoản 3 Điều 144 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Xử buộc **chị Nguyễn Thị T** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Về ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận: Ý kiến đề nghị giải quyết vụ án của của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh là có căn cứ và phù hợp với quy định của Pháp luật nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 điều 147, khoản 3 Điều 144, các Điều 227, 228, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của **chị Nguyễn Thị T**:

- Về việc ly hôn: **Chị Nguyễn Thị T** được ly hôn với anh **Hà Khắc C**.

- Về việc nuôi con: Giao cho **chị Nguyễn Thị T** có quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 người con chung tên 02 người con chung tên **Hà Tuấn A**, sinh ngày 13/9/2014 và **Hà Tuấn V**, sinh ngày 22/6/2020 cho đến khi thành niên.

Anh **Hà K C** không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho **chị T** nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2]. Về án phí: Buộc **chị Nguyễn Thị T** phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, khấu trừ vào 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005894 ngày 02/05/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận; sau khi khấu trừ, **chị Nguyễn Thị T** đã nộp đủ tiền án phí.

[3]. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa đều được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết (Đã giải thích quyền kháng cáo).

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND huyện Tánh Linh;
- Các đương sự;
- UBND xã Bắc Ruộng;
- CC THADS h.Tánh Linh;
- Lưu hồ sơ, V.p.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Mạnh Trí